dài huí

带回

verb · to bring back

Example Sentences

qǐng bǎ shū dài huí tú shū guǎn
请把书带回图书馆。

Please bring the book back to the library.

tā cóng lǚ xíng zhōng dài huí le hěn duō jì niàn pǐn
他从旅行中带回了很多纪念品。

He brought back many souvenirs from the trip.

Trace each character, then write the word on your own.

带 带 带 带 带 带 带 带 带 带 带

带

回 回 回 回 回 回 回 回 回